

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày 13 tháng 10 năm 2021
“V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hà và bà Nguyễn Thị Định.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32 /2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 09 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T – SN 1978.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia lai. (Có mặt).

- *Bị đơn:* - Bà Lê Thị Th – sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T như sau:

Vào ngày 21 tháng 01 năm 2020 tôi có cho bà Lê Thị Th hót tiền hụi và có ghi giấy vay nợ với số tiền 41.000.000 đồng và hạn hàng tháng sẽ trả dần cho tôi là 3.000.000 đồng/ tháng bắt đầu trả là ngày 10/2/2020, thời gian trả nợ và lãi xuất được hai bên thỏa thuận bằng miệng với lãi xuất là 1%/tháng. Nhưng tôi cũng đã rất nhiều lần yêu cầu bà Lê Thị Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ; thì bà Th chỉ mới trả cho tôi được 1.000.000 đồng, từ đó đến nay bà Th không trả cho tôi thêm được đồng nào nên nay tôi viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai buộc bà Lê Thị Th phải trả cho tôi số tiền còn mượn là: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tôi yêu cầu bà Th trả cho tôi tiền lãi kể từ ngày 21/1/2020 đến ngày 12/4/2021 là 5.200.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bà Th trả cho tôi là 45.200.000 đồng.

Bị đơn: Bà Lê Thị Th trình bày:

Tôi cùng bà T có góp vốn chơi hụi với nhau, tổng số tiền tôi nhận được từ bà T là 84.600.000 đồng (Bằng chữ: tám mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Tôi trả

cho bà T là 44.600.000 đồng. Còn lại là 40.000.000 đồng, bà T buộc tôi phải trả một lần; còn không phải trả lãi cho bà hàng tháng. Hàng tháng phải trả lãi là 2.400.000 đồng. Từ tháng 1/2020 đến tháng 2 năm 2021 bà T không cho trả lãi, mà buộc trả gốc luôn, nếu không phải trả lãi hàng tháng là 10% của 1.000.000 đồng. Vậy một tháng tôi phải trả lãi là 4.000.000 đồng cho tiền gốc 40.000.000 đồng. Tôi không đồng ý nên từ tháng 3/2021 tôi không trả lãi cho bà T nữa. Từ đó đến nay, tôi đã trả tiền lãi cho bà T 14 tháng là 33.600.000 đồng và còn nợ gốc chưa trả là 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về việc xác định tư cách của đương sự: Tại thông báo thụ lý số: 36/DSST ngày 04/5/2021. Và Quyết định đưa vụ ra xét xử. Số: 32/2021/QĐXX – DS ngày 09/8/2021. giữa nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T và bị đơn: Bà Lê Thị Th.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và Lê Thị Th đều có địa chỉ: Thôn 1, xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. theo quy định tại khoản 3 điều 26. Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia lai.

[3] Xét về nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đã yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị Th phải trả số tiền đã ký Giấy mượn tiền vào ngày 21/1/2020 là: 41.000.000 đồng nhưng đến ngày 10/2/ 2020 bà Th đã trả được 1.000.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại là 40.000.000 đồng rồi tính tiền lãi từ ngày 21/2/2020 đến ngày 12/4/2021 là 5.200.000 đồng. Tổng số tiền bà Thu trả cho Toàn là 45.200.000 đồng. Tại phiên tòa bà T có ý kiến yêu cầu bà Lê Thị Th phải trả nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng và tính lại tiền lãi từ ngày 22/02/2020 đến ngày 12/10/2021 là 6.564.000 đồng. Trong đó gốc là 40.000.000 đồng lãi là 6.564.000 đồng.

Xét thực tế bà Th hiện còn nợ của bà T số tiền gốc là 40.000.000 đồng; bà Th chưa thanh toán lãi từ ngày 22/02/2020 đến nay; Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi là 10%/năm nêu trên là không cao hơn lãi xuất theo quy định Điều 468 BLDS, Nên yêu cầu lãi 10%/ năm của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Th trình bày: Bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay bà Th có nợ bà T là 84.600.000 đồng bà Th trả cho bà T là 44.600.000 đồng. Còn nợ lại là 40.000.000 đồng bà Th đã trả tiền lãi cho bà T 14 tháng là 33.600.000 đồng; Quá trình trả tiền lãi cho bà T và bà Th không có viết giấy tờ gì nên không cung cấp cho Tòa được. Đến nay bà Th vẫn không chấp nhận trả tiền lãi, mà chỉ chấp nhận trả tiền gốc là 40.000.000 đồng. Lời khai và lời trình bày của bà Th công nhận số tiền nợ gốc như trình bày của nguyên đơn. Về phần lãi suất bà Th trình bày trả lãi cho bà T. Tuy nhiên bà Th không cung cấp được bất kỳ chứng cứ gì để chứng minh bà đã trả lãi cho nguyên đơn nên HĐXX không có căn cứ xem xét chấp nhận phần trình bày của bà Th.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Biên bản tự khai; biên bản hòa giải; lời trình bày tại phiên tòa; thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX xét thấy. Xuất phát từ sự

quen biết và tạo điều kiện giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống bà T đã cho bà Th vay tiền theo giấy mượn tiền đã ký vào ngày 21/1/2020 với số tiền là 41.000.000 đồng, ngoài ra hai bên còn tự thỏa thuận bằng miệng vào ngày 10 hàng tháng trả 3.000.000 đồng tiền gốc thời gian trả bắt đầu vào ngày 10/2/2020, nhưng trong thời gian trên bà Th chỉ trả được 1.000.000 đồng cho bà T số còn nợ lại là 40.000.000đ. Bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà Th không trả. Nay bà T vẫn giữ nguyên quan điểm buộc bà Th phải trả 40.000.000 đồng tiền gốc và tính tiền lãi từ ngày 22/2/2020 đến ngày 12/10/2021. Nên HĐXX Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 và 470 BLDS buộc bà Lê Thị Th phải trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền gốc và tính lãi là có cơ sở theo pháp luật quy định.

[5] Về yêu cầu của bà Huỳnh Thị T buộc bà Lê Thị Th phải trả nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng tính và tiền lãi từ ngày 22/ 02/ 2020 đến ngày 12/10/2021 là 599 ngày với mức lãi suất 10%/năm, nên số tiền lãi là 6.564.000 đồng .

Vậy: Buộc bà Lê Thị Th phải trả cho bà Huỳnh Thị T. Tổng số tiền: 46.564.000 đồng (trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 6.564.000 đồng).

[6]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/10/2021) cho đến khi thi hành án xong bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ đã tự thỏa thuận là 10%/ năm.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 91; khoản 2 điều 92; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Lê thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T. Tổng số tiền: 46.564.000 đồng “Bốn mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn” (trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 6.564.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/10/2021) cho đến khi thi hành án xong bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ đã tự thỏa thuận là 10%/ năm.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.328.000 đồng.

Trả lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.150.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008660, ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/10/2021), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Các đương sự;
- THADS huyện Mang Yang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Thanh